TỪ NGOẠI GIAO CÂY TRE ĐẾN CÁC GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY SỨC MẠNH MỀM DO NHÀ NƯỚC DẪN DẮT: TÍNH LIÊN TỤC VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CHỦ ĐỘNG CỦA THÁI LAN GIAI ĐOẠN 2014 - 2026

Giảng Thanh Sang[1,*], Trương Vỹ Khang[2]

[1] Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh
[2] Khoa Đông phương học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
sanggt@huflit.edu.vn, truongvykhang@hcmussh.edu.vn

TÓM TẮT— Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gia tăng và các quốc gia ngày càng chú trọng xây dựng hình ảnh quốc gia, chính sách đối ngoại của Thái Lan nổi lên như một trường hợp đáng chú ý trong nghiên cứu quan hệ quốc tế khu vực. Bài viết phân tích sự chuyển dịch trong chính sách đối ngoại của Thái Lan giai đoạn 2014 - 2026 từ ngoại giao cây tre đến các giải pháp thúc đẩy sức mạnh mềm do nhà nước dẫn dắt, qua đó làm rõ tính liên tục và thay đổi trong chính sách đối ngoại chủ động của nước này. Trên cơ sở vận dụng khung lý thuyết tích hợp giữa ngoại giao cây tre, phòng bị nước đôi, sức mạnh mềm và ngoại giao cường quốc tầm trung, bài viết cho rằng sự nổi lên của sức mạnh mềm do nhà nước dẫn dắt không phải là sự đoạn tuyệt với truyền thống đối ngoại linh hoạt của Thái Lan, mà là sự mở rộng công cụ của trụ cột đối ngoại nhằm duy trì không gian chiến lược, nâng cao vị thế quốc gia và hỗ trợ khát vọng cường quốc tầm trung. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích tài liệu, phân tích nội dung, lịch sử và tiếp cận trường hợp nghiên cứu. Kết quả cho thấy ngoại giao cây tre vẫn giữ vai trò trụ cột trong đối ngoại Thái Lan, trong khi sự thay đổi nằm ở việc nhà nước ngày càng thể chế hóa sức mạnh mềm thành chiến lược quốc gia gắn với công nghiệp sáng tạo, ngoại giao công chúng và thương hiệu quốc gia. Tuy nhiên, hiệu quả của chiến lược này vẫn bị giới hạn bởi tính xác thực, mức độ nhất quán chính sách và các điều kiện chính trị – thể chế trong nước.

Từ khóa— Thái Lan, ngoại giao cây tre, sức mạnh mềm, phòng bị nước đôi, ngoại giao cường quốc tầm trung.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh môi trường quốc tế và khu vực biến động sâu sắc, đặc biệt dưới tác động của cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, chuyển dịch tương quan quyền lực tại Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, cùng xu hướng các quốc gia đẩy mạnh xây dựng hình ảnh và thương hiệu quốc gia, chính sách đối ngoại của các nước tầm trung ở Đông Nam Á đang thu hút ngày càng nhiều sự quan tâm của giới nghiên cứu quan hệ quốc tế. Sau cuộc đảo chính năm 2014, môi trường chiến lược của Thái Lan trong quan hệ với Hoa Kỳ chịu sức ép do vấn đề dân chủ và tính chính danh chính trị; quan hệ với Trung Quốc có điều kiện mở rộng sâu hơn về kinh tế, hạ tầng và hợp tác chiến lược; trong khi ASEAN tiếp tục là không gian đa phương quan trọng để Thái Lan duy trì vai trò khu vực và tránh bị cô lập. Trong số đó, Thái Lan nổi lên như một trường hợp đáng chú ý bởi khả năng duy trì tính linh hoạt trong ứng xử đối ngoại, đồng thời gần đây tích cực thúc đẩy diễn ngôn và chính sách về sức mạnh mềm như một động lực mới cho phát triển kinh tế, quảng bá hình ảnh quốc gia và mở rộng ảnh hưởng quốc tế [1], [2].

Trong nghiên cứu quan hệ quốc tế, sức mạnh mềm thường được hiểu là khả năng đạt được kết quả mong muốn thông qua sức hấp dẫn, thuyết phục và tạo thiện cảm, thay vì bằng cưỡng ép hay trả giá vật chất. Theo Nye (2017), nguồn lực của sức mạnh mềm nằm ở văn hóa, giá trị chính trị và chính sách khi các yếu tố này được bên ngoài nhìn nhận là có sức hút và có tính chính danh [3], [4]. Từ góc độ đó, sức mạnh mềm không chỉ là một công cụ quảng bá hình ảnh, mà còn là một thành tố ngày càng quan trọng trong chiến lược ảnh hưởng của các quốc gia, đặc biệt là những nước không sở hữu ưu thế vượt trội về sức mạnh quân sự hoặc kinh tế. Đối với Thái Lan, việc chính phủ gần đây gia tăng nhấn mạnh đến các sáng kiến như Cơ quan nội dung sáng tạo Thái Lan (THACCA) và Mỗi gia đình, một sức mạnh mềm (OFOS) cho thấy sức mạnh mềm đang được thể chế hóa rõ ràng hơn và được lồng ghép vào tư duy phát triển quốc gia cũng như định vị đối ngoại [5], [6]. Tuy nhiên, nếu chỉ nhìn sức mạnh mềm của Thái Lan như một chính sách mới nổi trong vài năm gần đây thì sẽ khó nắm bắt đầy đủ cách vận hành của đối ngoại nước này. Nhiều công trình đã chỉ ra rằng chính sách đối ngoại Thái Lan từ lâu mang dấu ấn của sự linh hoạt, thích ứng và điều chỉnh liên tục trước thay đổi của môi trường chiến lược. Busbarat (2020) cho thấy đối ngoại Thái Lan thời kỳ hậu Chiến tranh lạnh vừa duy trì tính mềm dẻo truyền thống, vừa tìm cách khẳng định vai trò chủ động hơn trong khu vực [1]. Gần đây hơn, Chachavalpongpun (2024) tái diễn giải khái niệm ngoại giao cây tre và cho rằng cách hiểu truyền thống về nó như một sự "uốn theo chiều gió" là chưa đủ; trên thực tế, ngoại giao cây tre phản ánh sự đan xen giữa lợi ích và giá trị trong quá trình hoạch định đối ngoại của Thái Lan [2].

Một số nghiên cứu gần đây đã bắt đầu phân tích quá trình này từ góc nhìn phê bình. Báo chí quốc tế cũng cho thấy sức mạnh mềm của Thái Lan đang đối diện câu hỏi về độ rộng và chiều sâu. Tạp chí Time ghi nhận chính sách của Thái Lan tập trung mạnh vào việc khai thác tài sản văn hóa để thúc đẩy du lịch và đầu tư, nhưng đồng thời dẫn các ý kiến cho rằng sức mạnh mềm cần được hiểu toàn diện hơn, vượt ra ngoài văn hóa, du lịch và các chiến dịch quảng bá ngắn hạn [7]. Cogan (2024) nhận định rằng trọng tâm sức mạnh mềm mới của Thái Lan tạo ra một nghịch lý là nhà nước muốn gia tăng sức hấp dẫn quốc gia, nhưng bản thân hiệu quả của chiến lược đó lại chịu ràng buộc

bởi điều kiện chính trị trong nước và mức độ nhất quán của thể chế [8]. Trong khi đó, Prasirtsuk (2024a, March) cho thấy ngoại giao công chúng của Thái Lan trong thế kỷ XXI đã được tăng tốc và chính thức hóa mạnh mẽ hơn, đồng thời chuyển từ các hoạt động quảng bá truyền thống sang phạm vi rộng hơn gắn với thương hiệu quốc gia, đầu tư, du lịch, xuất khẩu và công nghiệp sáng tạo [6]. Mặc dù vậy, khoảng trống nghiên cứu vẫn còn khá rõ. Phần lớn các công trình hiện có thường tiếp cận theo một trong hai hướng: (i) hoặc phân tích ngoại giao cây tre như một truyền thống đối ngoại linh hoạt của Thái Lan, (ii) hoặc khảo sát sức mạnh mềm, ngoại giao văn hóa, ngoại giao công chúng như một chính sách đương đại. Chưa nhiều nghiên cứu đặt hai chiều cạnh này trong cùng một khung phân tích để trả lời câu hỏi liệu sức mạnh mềm do nhà nước dẫn dắt có phải là một bước ngoặt mới trong chính sách đối ngoại Thái Lan, hay thực chất chỉ là sự mở rộng công cụ của cùng một nền tảng đối ngoại linh hoạt [2], [8].

Tuy vậy, một khoảng trống đáng chú ý vẫn tồn tại trong quan hệ quốc tế hiện nay. Ít có nghiên cứu đặt ngoại giao cây tre và sức mạnh mềm do nhà nước dẫn dắt vào cùng một khung giải thích để trả lời liệu sự nổi lên của sức mạnh mềm do nhà nước dẫn dắt là một bước ngoặt, hay là sự mở rộng công cụ của chính trụ cột đối ngoại đã tồn tại từ trước. Xuất phát từ khoảng trống này, bài viết lựa chọn khung tích hợp giữa ngoại giao cây tre, phòng bị nước đôi, sức mạnh mềm và ngoại giao cường quốc tầm trung để phân tích trường hợp Thái Lan giai đoạn 2014 – 2026.

II. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

Việc phân tích sự chuyển dịch từ ngoại giao cây tre sang sức mạnh mềm do nhà nước dẫn dắt trong chính sách đối ngoại của Thái Lan đòi hỏi một khung lý thuyết tích hợp. Nghiên cứu này xây dựng khung phân tích tích hợp bốn lớp lý thuyết có mối quan hệ theo thứ bậc: (1) Ngoại giao cây tre là trụ cột của hành vi đối ngoại; (2) phòng bị nước đôi là chiến lược ứng phó với rủi ro địa chính trị; (3) sức mạnh mềm do nhà nước dẫn dắt là công cụ triển khai ảnh hưởng; và (4) ngoại giao cường quốc tầm trung là mục tiêu vị thế mà Thái Lan hướng tới. Bốn lớp lý thuyết này tạo thành cấu trúc lập luận thống nhất từ nguyên tắc nền tảng đến chiến lược ứng phó kết hợp sử dụng công cụ để đạt được mục tiêu.

1. NGOẠI GIAO CÂY TRE

Đóng vai trò là nền tảng định hướng, phản ánh nguyên tắc chỉ đạo trong lựa chọn và triển khai chính sách đối ngoại. Ngoại giao cây tre còn giúp lý giải trụ cột chiến lược nền của đối ngoại Thái Lan. Chachavalpongpun (2024) cho rằng ngoại giao cây tre cần được nhìn nhận như một quá trình hoạch định dựa trên sự tương tác giữa lợi ích và giá trị, trong đó giới tinh hoa Thái Lan liên tục tính toán, điều chỉnh và đôi khi chấp nhận đánh đổi để duy trì không gian chiến lược của quốc gia [2]. Lớp này giúp xác định hệ giá trị, phương châm ứng xử và giới hạn hành động của chủ thể nghiên cứu và được thể hiện qua tính độc lập, tự chủ; linh hoạt trong quan hệ đối ngoại; cân bằng quan hệ với các nước lớn; ưu tiên lợi ích quốc gia, dân tộc, tránh phụ thuộc một chiều. Như vậy, ngoại giao cây tre không chỉ là phản ứng trước sức ép bên ngoài, mà còn là một cách quản trị vị thế quốc gia trong điều kiện bất đối xứng quyền lực.

2. PHÒNG BỊ NƯỚC ĐÔI

Là cơ chế vận hành cụ thể của ngoại giao cây tre trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn; Thái Lan vừa hợp tác, vừa phòng ngừa rủi ro, vừa tránh lựa chọn phe rõ rệt. Kuik (2024) cho rằng phòng bị nước đôi là một dạng hành vi liên kết phổ biến của các quốc gia tầm trung trong bối cảnh cạnh tranh giữa các cường quốc, khi các chủ thể này tránh lựa chọn liên kết cứng, đồng thời duy trì các biện pháp đối trọng và hợp tác song song nhằm giảm thiểu rủi ro chiến lược [9]. Từ đó, ngoại giao cây tre của Thái Lan có thể được hiểu như một biểu hiện bản địa hóa của phòng bị nước đôi, trong đó tính linh hoạt không chỉ nhằm né tránh sức ép mà còn nhằm bảo toàn khả năng lựa chọn của quốc gia. Dù không hoàn toàn đồng nhất, cả hai cùng gợi mở một mô thức ứng xử mà trong đó quốc gia không chọn đứng hẳn về một bên, cũng không theo đuổi đối đầu trực diện, mà duy trì nhiều lựa chọn chiến lược song song để giảm thiểu rủi ro và tối đa hóa lợi ích. Đối với Thái Lan, cách tiếp cận này đặc biệt thích hợp trong bối cảnh cạnh tranh Mỹ – Trung gia tăng [10]. Tuy nhiên, khái niệm phòng bị nước đôi hiện nay không phải là một khái niệm hoàn toàn thống nhất trong nghiên cứu quan hệ quốc tế. Haacke (2019) cho thấy việc áp dụng khái niệm này vào Đông Nam Á còn nhiều tranh luận, đặc biệt trong việc phân biệt phòng bị nước đôi với cân bằng hoặc chính sách đa phương hóa thông thường [11]. Do đó, trong trường hợp Thái Lan, phòng bị nước đôi được hiểu như một lăng kính phân tích bổ trợ cho ngoại giao cây tre, thay vì thay thế hoàn toàn khái niệm này.

3. SỨC MẠNH MỀM DO NHÀ NƯỚC DẪN DẮT

Trước hết, sức mạnh mềm là khái niệm nền tảng để lý giải cách một quốc gia tạo ảnh hưởng thông qua sức hấp dẫn thay vì cưỡng ép hoặc mua chuộc. Nye (2017) xác định sức mạnh mềm là khả năng đạt được kết quả mong muốn thông qua sức hấp dẫn thay vì cưỡng ép, với các nguồn lực chủ yếu nằm ở giá trị văn hóa, chính trị và chính sách đối ngoại. Điểm quan trọng là sức mạnh mềm không đồng nghĩa với tuyên truyền hay quảng bá hình ảnh đơn thuần; nó chỉ phát huy tác dụng khi gắn với tính xác thực, độ tin cậy và mức độ chính danh [4]. Tuy nhiên, trong thực tiễn chính sách, sức mạnh mềm ngày càng được các nhà nước thể chế hóa, định hướng và quản trị như một công cụ chiến lược. Sức mạnh mềm do nhà nước dẫn dắt chủ động thể chế hóa văn hóa, công nghiệp sáng tạo, ngoại giao công chúng và thương hiệu quốc gia thành công cụ gia tăng sức hấp dẫn và ảnh hưởng quốc tế. Từ góc

nhìn này, nghiên cứu không tiếp cận sức mạnh mềm của Thái Lan như một hiện tượng văn hóa tự phát, mà như một dạng sức mạnh mềm do nhà nước dẫn dắt, tức sức mạnh mềm được nhà nước chủ động tổ chức, thúc đẩy và lồng ghép vào mục tiêu phát triển và đối ngoại [5], [6].

4. NGOẠI GIAO CƯỜNG QUỐC TẦM TRUNG

Lớp lý thuyết thứ tư là ngoại giao cường quốc tầm trung, được sử dụng để nâng phân tích từ cấp độ công cụ và hành vi lên cấp độ mục tiêu vị thế. Thể hiện nỗ lực của Thái Lan trong việc nâng cao vai trò khu vực, gia tăng năng lực định hình chương trình nghị sự và khẳng định vị thế quốc gia tầm trung. Đối với Thái Lan, cách tiếp cận này có ý nghĩa vì nước này từ lâu đã tìm cách duy trì vai trò nổi bật trong ASEAN và trong các cơ chế đối thoại khu vực, đồng thời gần đây đẩy mạnh hơn việc sử dụng ngoại giao công chúng, thương hiệu quốc gia và công nghiệp sáng tạo như những phương tiện để củng cố vị thế [1], [6].



Hình 1. *Mô hình quan hệ giữa các lớp phân tích (Nguồn: tác giả)*

Khung phân tích tích hợp bốn lớp cho phép bài viết lý giải chính sách đối ngoại Thái Lan giai đoạn 2014 - 2026 theo một cấu trúc thống nhất. Trong đó, ngoại giao cây tre đóng vai trò là trụ cột; phòng bị nước đôi là chiến lược ứng xử trong môi trường cạnh tranh nước lớn; sức mạnh mềm do nhà nước dẫn dắt là công cụ triển khai ảnh hưởng; và ngoại giao cường quốc tầm trung là mục tiêu vị thế mà Thái Lan hướng tới. Cách tiếp cận này giúp làm rõ đồng thời tính liên tục và thay đổi trong chính sách đối ngoại chủ động của Thái Lan.

III. NGOẠI GIAO CÂY TRE NHƯ TRỤ CỘT TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CHỦ ĐỘNG CỦA THÁI LAN

Từ thế kỷ XIX, Thái Lan đã phải xử lý sức ép từ các cường quốc thực dân, đặc biệt là Anh và Pháp, bằng cách điều chỉnh quan hệ, nhượng bộ có chọn lọc và duy trì khoảng không tự chủ trong một môi trường bất đối xứng quyền lực. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Thái Lan tiếp tục điều chỉnh vị thế bằng cách tận dụng quan hệ với Hoa Kỳ để giảm thiểu sức ép từ Anh. Trong Chiến tranh lạnh, Thái Lan nghiêng về liên minh với Hoa Kỳ nhằm bảo đảm an ninh trước cộng sản, nhưng từ giữa thập niên 1970 lại từng bước điều chỉnh quan hệ với Trung Quốc và các nước Đông Dương khi tương quan quyền lực khu vực thay đổi. Đến thời kỳ hậu Chiến tranh lạnh, chính sách "biến chiến trường thành thị trường" dưới thời Thủ tướng Chatichai Choonhavan tiếp tục cho thấy khả năng chuyển hóa môi trường an ninh thành không gian hợp tác kinh tế khu vực. Tác phẩm Words of Wisdom của ISC/MFA nhận định rằng nhiều nhà quan sát lý giải khả năng Thái Lan vượt qua các biến động quốc tế bằng năng lực thích ứng với các tình huống toàn cầu và khu vực đang thay đổi; theo cách hiểu của trường phái ngoại giao cây tre, điều này thể hiện ở việc Thái Lan điều chỉnh chính sách theo xu hướng và hoàn cảnh mới. Chính trong tiến trình đó, ngoại giao cây tre không nên được hiểu đơn giản như một lối ứng xử mềm dẻo, mà là một nguyên tắc tổ chức hành vi đối ngoại linh hoạt trước thay đổi của môi trường chiến lược, tránh rơi vào đối đầu tuyệt đối với một cực quyền lực, duy trì khả năng xoay chuyển chính sách và bảo toàn lợi ích quốc gia. Các tài liệu của Trung tâm Nghiên cứu Quốc tế thuộc

Bộ Ngoại giao Thái Lan cũng cho thấy ngoại giao cây tre thường được liên hệ với khả năng điều chỉnh chính sách theo xu hướng và hoàn cảnh khu vực – quốc tế đang thay đổi. Chachavalpongpun (2024) cho rằng diễn ngôn ngoại giao cây tre của Thái Lan được sản sinh trong bối cảnh cuối thập niên 1960, khi Chính phủ Bangkok bắt đầu điều chỉnh thực hành ngoại giao đối với Liên Xô và Trung Quốc [2]. Vì vậy, gọi ngoại giao cây tre là trụ cột trong chiến sách không có nghĩa xem đây là một học thuyết chính thức bất biến, mà là cách khái quát hóa một mô thức đối ngoại có khả năng giải thích tính liên tục trong hành vi đối ngoại Thái Lan qua nhiều giai đoạn.

Trong nghiên cứu về chính sách đối ngoại Thái Lan, ngoại giao cây tre thường được xem là hình ảnh khái quát nhất cho phong cách ứng xử quốc tế của nước này. Ẩn dụ "uốn mình theo chiều gió" nhấn mạnh sự mềm dẻo, linh hoạt và khả năng thích ứng trước biến động của môi trường chiến lược. Tuy nhiên, nếu chỉ dừng ở cách hiểu đó thì ngoại giao cây tre sẽ dễ bị giản lược thành một dạng thực dụng ngắn hạn hoặc phản ứng bị động. Các nghiên cứu gần đây cho thấy cách diễn giải như vậy là chưa đủ, bởi ngoại giao cây tre của Thái Lan không chỉ là hành vi "uốn mình để tồn tại", mà còn là một trụ cột đối ngoại có tính lịch sử, phản ánh nỗ lực duy trì không gian chiến lược, bảo toàn lợi ích quốc gia, và điều chỉnh vị thế đối ngoại trong bối cảnh bất đối xứng quyền lực [1], [2].

Về mặt lịch sử, ngoại giao cây tre gắn với đặc trưng lâu dài của đối ngoại Thái Lan: tránh rơi vào thế đối đầu tuyệt đối với một cường quốc, duy trì khả năng xoay chuyển giữa các cực quyền lực, và ưu tiên bảo đảm an ninh chế độ lẫn lợi ích quốc gia trong một môi trường khu vực thường xuyên biến động. Chính sự liên tục đó khiến ngoại giao cây tre trở thành một trụ cột hơn là một kỹ thuật ngoại giao rời rạc [1]. Điểm quan trọng là ngoại giao cây tre không đồng nghĩa với sự thiếu định hướng. Chachavalpongpun (2024) lập luận rằng diễn ngôn về ngoại giao cây tre lâu nay thường bị đơn giản hóa thành hình ảnh Thái Lan "uốn mình theo chiều gió" để sinh tồn, trong khi thực tế hoạch định chính sách đòi hỏi những tính toán phức tạp và thậm chí những đánh đổi từ giới tinh hoa [2]. Theo cách diễn giải này, ngoại giao cây tre được định hình bởi sự tương tác giữa lợi ích và giá trị, chứ không chỉ bởi phản xạ thích nghi đơn thuần. Bên cạnh các diễn giải lịch sử rộng hơn, Busbarat (2016) khi phân tích quan hệ của Thái Lan với Trung Quốc và Hoa Kỳ từ đầu thập niên 2000 đã cho thấy ngoại giao cây tre không vận hành như một trạng thái cân bằng tĩnh, mà thường tạo ra các mức độ nghiêng lệch khác nhau tùy theo điều kiện chính trị trong nước và cấu trúc cơ hội bên ngoài. Điều này giúp giải thích vì sao sau năm 2014, Chính phủ Bangkok có xu hướng xích lại gần Bắc Kinh hơn trong một số lĩnh vực, nhưng vẫn không từ bỏ hoàn toàn các liên kết an ninh truyền thống với Washington [12]. Tuy nhiên, trong trường hợp của Việt Nam, ngoại giao cây tre được đặt trong tổng thể đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa và chủ động hội nhập quốc tế. Các nghiên cứu về ngoại giao đa phương Việt Nam cho thấy ngoại giao đa phương góp phần nâng cao vị thế, uy tín và hình ảnh của Việt Nam như một quốc gia chủ động, tích cực và có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế [13].

Từ góc nhìn đó, ngoại giao cây tre có thể được xem là nền tảng của chính sách đối ngoại chủ động theo một nghĩa đặc thù. Chủ động ở đây không phải là chủ động dẫn dắt trật tự khu vực theo kiểu cường quốc, mà là chủ động trong việc duy trì nhiều phương án chiến lược, tránh phụ thuộc tuyệt đối vào một đối tác, và tận dụng cạnh tranh giữa các nước lớn để bảo vệ lợi ích của mình. Trong thực tiễn đương đại, mối liên hệ giữa ngoại giao cây tre và phòng bị nước đôi càng làm rõ hơn tính chủ động nói trên. Poonkham (2023) cho rằng dưới thời Thủ tướng Prayut Chan-o-cha, đối ngoại Thái Lan có xu hướng chuyển sang trạng thái phòng bị nước đôi như một xu hướng mặc định, một phần do sức hút kinh tế của Trung Quốc, sự thiếu nhất quán trong cam kết của Mỹ tại khu vực, và hệ quả đối ngoại sau cuộc đảo chính năm 2014 [10]. Sau đảo chính năm 2014, quan hệ của Thái Lan với phương Tây chịu sức ép đáng kể, tạo điều kiện cho Trung Quốc gia tăng ảnh hưởng chính trị và kinh tế. Busbarat (2018) cho rằng việc Thái Lan dựa nhiều hơn vào Trung Quốc để tìm kiếm sự công nhận chính trị sau đảo chính khiến bài toán cân bằng giữa Bắc Kinh và Washington trở nên phức tạp hơn. Điều này củng cố nhận định rằng ngoại giao cây tre trong giai đoạn này không biến mất, nhưng vận hành trong điều kiện bất đối xứng ngày càng rõ [14]. Dù cách gọi có khác nhau, lập luận này vẫn cho thấy một thực tế cho thấy rằng Thái Lan tiếp tục ưu tiên bảo lưu không gian chiến lược thông qua cách tiếp cận nhiều tầng, nhiều hướng và tránh ràng buộc cứng. Một đặc điểm khác khiến ngoại giao cây tre có thể được xem là nền tảng của chính sách đối ngoại chủ động là khả năng kết nối giữa an ninh, kinh tế và ngoại giao vị thế. Trong nhiều giai đoạn, Thái Lan không chỉ dùng linh hoạt ngoại giao để ứng phó với sức ép chiến lược, mà còn để mở rộng dư địa hợp tác kinh tế, thu hút đầu tư, tăng vai trò trong ASEAN và duy trì hình ảnh của một quốc gia có thể nói chuyện với nhiều bên. Chính vì thế, ngoại giao cây tre không chỉ là cách "né tránh rủi ro", mà còn là cách "tối ưu hóa lợi ích".

Từ những phân tích trên có thể thấy rằng ngoại giao cây tre không nên bị hiểu như một biểu hiện của sự dao động hay thiếu nguyên tắc, mà cần được nhìn nhận như một trụ cột của đối ngoại Thái Lan. Trụ cột này dựa trên ba đặc điểm cốt lõi: (i) duy trì linh hoạt trước biến động quyền lực, (ii) bảo toàn không gian chiến lược thông qua đa dạng hóa quan hệ và (iii) theo đuổi lợi ích quốc gia bằng những điều chỉnh có tính toán giữa các áp lực bên ngoài. Chính ba đặc điểm đó tạo nên tính chủ động riêng của đối ngoại Thái Lan và đồng thời tạo tiền đề để nước này, trong giai đoạn 2014 - 2026, mở rộng thêm công cụ ảnh hưởng thông qua sức mạnh mềm do nhà nước dẫn dắt.

IV. TỪ NGOẠI GIAO CÂY TRE ĐẾN CÁC GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY SỨC MẠNH MỀM DO NHÀ NƯỚC DẪN DẮT: TÍNH LIÊN TỤC VÀ THAY ĐỔI GIAI ĐOẠN 2014 - 2026

Nếu ngoại giao cây tre là trụ cột của đối ngoại Thái Lan, thì giai đoạn 2014 - 2026 cho thấy một bước dịch chuyển đáng chú ý ở cấp độ công cụ và diễn ngôn chính sách từ sự linh hoạt chiến lược truyền thống sang việc nhà nước ngày càng chủ động thể chế hóa sức mạnh mềm như một phương tiện hỗ trợ phát triển kinh tế, quảng bá hình ảnh quốc gia và mở rộng ảnh hưởng đối ngoại. Tuy nhiên, sự dịch chuyển này không nên được hiểu một cách giản đơn như một sự thay thế hoàn toàn giữa hai mô hình. Trái lại, trường hợp Thái Lan cho thấy rõ mối quan hệ đan xen giữa tính liên tục và sự thay đổi: sức mạnh mềm nổi lên như một lớp công cụ mới, nhưng vẫn được vận hành trên nền tảng đối ngoại linh hoạt, thích ứng và tối đa hóa không gian chiến lược vốn đặc trưng cho ngoại giao cây tre [2].

Nhìn về quá khứ, năm 2014 là mốc mở đầu vì cuộc đảo chính quân sự đã tạo ra một môi trường đối ngoại bất lợi đối với Thái Lan, đặc biệt trong quan hệ với các đối tác phương Tây. Sau đảo chính, Hoa Kỳ đình chỉ một phần hỗ trợ quân sự cho Thái Lan; U.S. Department of State (2014) Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ ghi nhận việc đình chỉ khoảng 3,5 triệu USD trong khoản hỗ trợ quân sự chưa giải ngân, còn các báo cáo của Quốc hội Hoa Kỳ cũng cho thấy quan hệ song phương chịu tác động đáng kể sau sự kiện này [15]. Trong bối cảnh đó, Thái Lan không chuyển hẳn sang một trục đối ngoại cố định, mà tiếp tục duy trì liên kết an ninh truyền thống với Hoa Kỳ, đồng thời mở rộng dư địa hợp tác với Trung Quốc. Đây là cơ sở thực tiễn để phân tích ngoại giao cây tre và chiến lược phòng bị nước đôi trong giai đoạn hậu đảo chính. Đặc biệt dưới thời Thủ tướng Prayut Chan-o-cha sau cuộc đảo chính năm 2014, là thời kỳ cho thấy rõ nhất sức bền của ngoại giao cây tre trong môi trường đối ngoại bất lợi. Trong bối cảnh Thái Lan bị phương Tây chỉ trích về dân chủ và quản trị trong nước, Bangkok không chuyển sang một trục đối ngoại cứng nhắc, mà tiếp tục duy trì quan hệ với Mỹ trong lĩnh vực an ninh, đồng thời mở rộng đáng kể quan hệ với Trung Quốc về kinh tế, đầu tư và hợp tác chiến lược. Nhiều phân tích xem đây là biểu hiện của phòng bị nước đôi như một xu hướng mặc định [10]. Tuy nhiên, từ khoảng năm 2023 trở đi, việc sức mạnh mềm trở thành ưu tiên chính sách có thể được nhận diện trong Tuyên bố chính sách của Hội đồng Bộ trưởng Thái Lan, trong đó chính phủ khẳng định sẽ nâng cấp tri thức và vốn văn hóa Thái thành "Văn hoá sáng tạo" nhằm thúc đẩy sức mạnh mềm, đồng thời hỗ trợ việc đưa các yếu tố văn hóa Thái vào phim ảnh và các loại hình truyền thông. Điều này cho thấy sức mạnh mềm không còn chỉ là diễn ngôn quảng bá quốc gia, mà được chính thức đặt trong chương trình phát triển kinh tế – sáng tạo của nhà nước. Song đó đối ngoại Thái Lan bắt đầu thể hiện rõ sự thay đổi ở ngôn ngữ chính sách và cấu trúc thể chế. Sau khi Đảng Pheu Thai lên nắm quyền vào tháng 8 năm 2023, chính phủ mới nhanh chóng đưa sức mạnh mềm trở thành một trọng tâm chính sách quốc gia, thành lập Ủy ban Chiến lược sức mạnh mềm quốc gia và xác định 11 lĩnh vực ưu tiên. Song song với đó là các sáng kiến như THACCA và OFOS, qua đó sức mạnh mềm được đặt trong mối liên hệ trực tiếp với công nghiệp sáng tạo, việc làm, kỹ năng lao động và tăng trưởng kinh tế [5]. Về mặt chính sách, THACCA và OFOS thể hiện rõ cách nhà nước Thái Lan gắn sức mạnh mềm với phát triển nguồn nhân lực và kinh tế sáng tạo. Theo Cơ quan quan hệ công chúng của Chính phủ - Government Public Relations Department (PRD), hai sáng kiến này hướng đến nâng kỹ năng cho hơn 20 triệu người Thái thành lực lượng lao động sáng tạo có kỹ năng cao, đồng thời tạo thêm việc làm và nguồn thu bền vững cho nền kinh tế [16], [17].

Như vậy, sức mạnh mềm trong trường hợp Thái Lan không chỉ là công cụ đối ngoại, mà còn được cấu trúc như một chính sách phát triển trong nước có tác động đối ngoại. Theo Báo cáo thường niên năm 2024 của Cơ quan kinh tế sáng tạo (Creative Economy Agency) cho thấy cơ quan này đã triển khai các dự án phù hợp với chính sách OFOS và chiến lược sức lực mềm, trong đó có việc mở rộng các trung tâm sáng tạo ở 10 tỉnh nhằm tạo việc làm, phát triển nghề nghiệp và khai thác tài sản văn hóa địa phương thông qua sáng tạo. Điều này củng cố luận điểm rằng sức mạnh mềm của Thái Lan đang được nhà nước tổ chức như một hạ tầng chính sách cho kinh tế sáng tạo [18]. Sự thay đổi này trước hết thể hiện ở cách nhà nước Thái Lan tái định nghĩa vai trò của văn hóa và sáng tạo trong đối ngoại. Nếu trước đây các tài nguyên như ẩm thực, du lịch, di sản hay Muay Thai thường vận hành như những nguồn hấp dẫn mang tính phân tán, thì trong giai đoạn mới, chúng được gom vào một kiến trúc chính sách có định hướng tập trung hơn. Prasirtsuk (2024a, March 19) cho thấy ngoại giao công chúng của Thái Lan trong thế kỷ XXI đã dần mở rộng khỏi mô hình quảng bá hình ảnh truyền thống để gắn với đầu tư, thương mại, thương hiệu quốc gia và sức hấp dẫn kinh tế [6].

Dù vậy, chính tại điểm này, tính liên tục với ngoại giao cây tre lại trở nên rõ hơn. Việc Thái Lan thúc đẩy sức mạnh mềm do nhà nước dẫn dắt không diễn ra như một sự đoạn tuyệt với truyền thống linh hoạt trước đây, mà như một bước mở rộng bộ công cụ đối ngoại. Sức mạnh mềm do nhà nước dẫn dắt cho phép Thái Lan tăng ảnh hưởng mà không cần dựa vào sức mạnh cứng, nâng cao hiện diện quốc tế theo cách ít đối kháng hơn, đồng thời bổ sung cho phòng bị nước đôi bằng cách mở thêm một kênh tạo vốn biểu tượng và lợi thế kinh tế. Mối liên hệ giữa liên tục và thay đổi cũng có thể quan sát qua mục tiêu vị thế của Thái Lan. Trong mô thức cũ, ngoại giao cây tre chủ yếu giúp Thái Lan duy trì khả năng thích ứng và bảo toàn không gian hành động. Trong mô thức mới, sức mạnh mềm do nhà nước dẫn dắt còn phục vụ tham vọng tái định vị Thái Lan như một trung tâm sáng tạo, văn hóa và du lịch có sức hút trong khu vực. Đây là một bước dịch chuyển từ "thích ứng để tồn tại" sang "thích ứng để được thừa

nhận". Tuy nhiên, sự thay đổi này không đồng nghĩa với việc sức mạnh mềm của Thái Lan đã trở thành một nguồn lực đối ngoại hiệu quả và ổn định. Cogan (2024) nhấn mạnh một nghịch lý trung tâm là sức mạnh mềm đòi hỏi tính xác thực và tính chính danh, trong khi các điều kiện chính trị trong nước lại có thể làm suy giảm chính những tiền đề đó [8]. Bên cạnh đó, Moonsarn (2025) chỉ ra rằng chiến lược sức mạnh mềm quốc gia của Thái Lan mang tính công cụ hóa và quan liêu hóa khá rõ, với nguy cơ bó hẹp sáng tạo văn hóa ở cấp cơ sở [5]. Ở chiều ngược lại, cũng cần ghi nhận rằng nỗ lực thể chế hóa sức mạnh mềm của Thái Lan không hoàn toàn chỉ là biểu tượng. Việc chính phủ liên tục gắn sức mạnh mềm với du lịch, điện ảnh, lễ hội, ẩm thực, công nghiệp sáng tạo và nguồn thu quốc gia cho thấy nước này đang cố tìm một mô hình phát triển kết hợp giữa quyền lực biểu tượng và lợi ích kinh tế cụ thể. Điều đó phản ánh một đặc trưng quan trọng của sức mạnh mềm do nhà nước dẫn dắt tại Thái Lan, nó không chỉ nhằm "được yêu thích", mà còn nhằm tạo việc làm, thu hút đầu tư, mở rộng thị trường và tăng giá trị thương hiệu quốc gia. Cụ thể năm 2025, Theo Chỉ số sức mạnh mềm toàn cầu - Global Soft Power Index, Thái Lan xếp hạng 39/193 đạt 45,4/100 điểm [15]. Đầu năm 2026, Thái Lan tăng lên hạng 38, đạt 45,0/100 điểm, đồng thời xếp hạng cao ở các chỉ số liên quan đến ẩm thực, niềm vui và điểm đến du lịch. Sự tiến bộ của Thái Lan trên Global Soft Power Index phản ánh sự gia tăng hiệu quả và ảnh hưởng của các chính sách này ở cấp độ quốc tế, đặc biệt trong các trụ cột văn hóa, di sản và giá trị con người [19]. Tuy nhiên, nếu đối chiếu với các chỉ số đo lường quốc tế, hiệu quả sức mạnh mềm của Thái Lan vẫn ở mức vừa phải. Kết quả này cho thấy Thái Lan có lợi thế rõ ở các chiều cạnh như ẩm thực, du lịch và trải nghiệm văn hóa, nhưng vị trí tổng thể vẫn chưa tương xứng với tham vọng trở thành một trong những trung tâm sức mạnh mềm hàng đầu thế giới. Các giải pháp sức mạnh mềm của Thái Lan đã chuyển từ truyền thống mô tả văn hóa xen lẫn du lịch sang một chiến lược quốc gia có tổ chức, hệ thống, và có thể đo lường được hiệu quả từng bước, vừa phục vụ phát triển kinh tế nội địa vừa mở rộng ảnh hưởng quốc tế. Do đó, thành công của chiến lược này phụ thuộc không chỉ vào mức độ quảng bá văn hóa, mà còn vào khả năng chuyển hóa sức hấp dẫn văn hóa thành uy tín chính trị, năng lực thể chế và niềm tin quốc tế. Có thể thấy được, giai đoạn 2014 – 2023, Thái Lan duy trì chiến lược ngoại giao cây tre, chủ yếu vận dụng sức mạnh mềm không chính thức thông qua văn hóa, du lịch, thương hiệu; chưa có sự thể chế hóa sâu, vẫn phụ thuộc vào mạng lưới doanh nghiệp và các sáng kiến phi nhà nước. Từ năm 2023 trở đi, Thái Lan đã bắt đầu thể chế hóa sức mạnh mềm, với THACCA, OFOS, Creative Economy Agency được điều phối để xây dựng các ngành công nghiệp sáng tạo, phát triển nguồn nhân lực và kết nối thương hiệu quốc gia với ngoại giao khu vực. Đây là mức độ chủ động hóa, thể hiện sự chuyển đổi từ công cụ "linh hoạt" sang chính sách quốc gia có tổ chức [20]. Như vậy, "tính liên tục" nằm ở sự linh hoạt chiến lược của ngoại giao Thái Lan và "sự thay đổi" nằm ở mức độ thể chế hoá và chủ động hoá sức mạnh mềm trong chính sách đối ngoại chủ động của Thái Lan nhằm duy trì vai trò trung gian, tránh lệ thuộc một cực quyền lực, vận dụng sức mạnh mềm như công cụ hỗ trợ phát triển kinh tế trong nước và tận dụng công cụ gắn vào chiến lược để nâng tầm ảnh hưởng quốc tế, hỗ trợ ngoại giao khu vực, quảng bá văn hóa, kết nối các quốc gia láng giềng và tạo lợi thế cạnh tranh trong khu vực.

Từ những phân tích trên, có thể thấy giai đoạn 2014 - 2026 của Thái Lan được đặc trưng bởi một quá trình chuyển dịch không mang tính đứt gãy mà mang tính chồng lớp chiến lược. Tính liên tục nằm ở chỗ ngoại giao cây tre vẫn giữ vai trò là trụ cột, sự thay đổi nằm ở chỗ nhà nước ngày càng chủ động hơn trong việc thể chế hóa sức mạnh mềm, gắn nó với chiến lược quốc gia, mục tiêu tăng trưởng và tham vọng vị thế. Vì vậy, sức mạnh mềm do nhà nước dẫn dắt của Thái Lan nên được hiểu là sự mở rộng công cụ của trụ cột đối ngoại linh hoạt, hơn là sự thay thế ngoại giao cây tre bằng một mô hình hoàn toàn mới.

V. KẾT LUẬN

Từ câu hỏi nghiên cứu chính sách đối ngoại của Thái Lan giai đoạn 2014 - 2026 đã chuyển biến như thế nào từ ngoại giao cây tre đến các giải pháp thúc đẩy sức mạnh mềm do nhà nước dẫn dắt, và sự chuyển biến đó phản ánh tính liên tục hay thay đổi trong bản chất chính sách đối ngoại chủ động của nước này. Trên cơ sở khung lý thuyết tích hợp giữa ngoại giao cây tre, phòng bị nước đôi, sức mạnh mềm và ngoại giao cường quốc tầm trung, phân tích cho thấy sự nổi lên của sức mạnh mềm trong chính sách đối ngoại Thái Lan không phải là một sự đoạn tuyệt với truyền thống đối ngoại trước đó. Ngược lại, nó là một bước mở rộng công cụ của cùng hành động đã định hình từ lâu trong đối ngoại Thái Lan là duy trì linh hoạt chiến lược, tối đa hóa không gian lựa chọn và thích ứng có tính toán với môi trường quốc tế biến động. Ở bình diện tính liên tục, ngoại giao cây tre vẫn là nền tảng giải thích thuyết phục nhất cho cách Thái Lan xử lý môi trường cạnh tranh quyền lực, đặc biệt trong quan hệ với các cường quốc. Ở bình diện sự thay đổi, giai đoạn từ 2023 đến 2026 đánh dấu bước chuyển rõ nét khi nhà nước Thái Lan ngày càng chính thức hóa sức mạnh mềm như một chiến lược quốc gia. Tuy nhiên, phân tích cũng cho thấy sự thể chế hóa sức mạnh mềm không đồng nghĩa với việc Thái Lan đương nhiên gia tăng được sức mạnh mềm thực chất. Theo đúng tinh thần lý thuyết của Nye (2004), sức mạnh mềm chỉ phát huy hiệu quả khi sức hấp dẫn được nhìn nhận là xác thực, đáng tin cậy và có tính chính danh. Trong trường hợp Thái Lan, những giới hạn về môi trường chính trị trong nước, xu hướng quản trị từ trên xuống và nguy cơ công cụ hóa văn hóa có thể làm suy giảm chính nền tảng hấp dẫn mà chiến lược sức mạnh mềm muốn tạo ra.

Từ đó, bài viết đi đến kết luận rằng giả thuyết nghiên cứu ban đầu nhìn chung được củng cố, sức mạnh mềm do nhà nước dẫn dắt của Thái Lan trong giai đoạn 2014 - 2026 không thay thế ngoại giao cây tre, mà là sự tiếp nối

nâng cấp để phát triển và tồn tại. Điều thay đổi chủ yếu không nằm ở bản chất sâu xa của đối ngoại Thái Lan, mà ở cách thức nước này tìm cách tổ chức, thể chế hóa và thể hiện ảnh hưởng của mình rõ ràng hơn trong thời đại cạnh tranh hình ảnh quốc gia và kinh tế sáng tạo. Về mặt học thuật, bài viết góp phần nối kết hai mạch nghiên cứu thường bị tách rời trong các công trình trước đây một bên là nghiên cứu về ngoại giao cây tre như truyền thống đối ngoại linh hoạt của Thái Lan, bên kia là nghiên cứu về sức mạnh mềm, ngoại giao công chúng và ngoại giao văn hóa như các xu hướng chính sách đương đại. Từ trường hợp Thái Lan, có thể gợi mở thêm cho nghiên cứu quan hệ quốc tế khu vực rằng chủ động đối ngoại của các quốc gia tầm trung không nhất thiết phải được đo bằng mức độ đối đầu hay năng lực cưỡng chế, mà có thể được đánh giá qua khả năng duy trì dư địa hành động và chuyển hóa nguồn lực biểu tượng thành lợi thế chiến lược.

VI. LỜI CẢM ƠN

Chúng tôi xin trân trọng gửi lời cảm ơn sâu sắc đến các thầy cô, chuyên gia và đồng nghiệp đã góp ý, hướng dẫn và chia sẽ những kiến thức quý báu trong quá trình hoàn thiện nghiên cứu này. Cảm ơn Bộ Ngoại giao Thái Lan, các tổ chức quốc tế và các cơ quan nghiên cứu đã cung cấp tài liệu chính thống, tài liệu lịch sử và báo cáo thực tiễn về chính sách đối ngoại Thái Lan, các sáng kiến THACCA, OFOS và chỉ số Global Soft Power, những thông tin cần thiết giúp tác giả xây dựng lập luận khoa học và thực chứng về chính sách đối ngoại Thái Lan và các giải pháp thúc đẩy sức mạnh mềm.

Đặc biệt, tác giả xin cảm ơn các đồng nghiệp và bạn bè đã hỗ trợ phân tích nội dung và chia sẻ kinh nghiệm nghiên cứu, cũng như gia đình và những người thân yêu luôn động viên, tạo điều kiện và khích lệ tinh thần trong suốt quá trình nghiên cứu.

VII. TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Busbarat, P. (2020). Thailand's foreign policy in the post-Cold War era: From potentials to disarrays. In T. Inoguchi (Ed.), *The SAGE handbook of Asian foreign policy* (pp. 687–708). SAGE.

[2] Chachavalpongpun, P. (2024). Roots of resilience: Interests and values in Thai foreign policy (Journal of Current Southeast Asian Affairs). https://www.ssoar.info/ssoar/bitstream/handle/document/101399/ssoar-jcsaa-2024-3-chachavalpongpun-Roots_of_resilience_interests_and.pdf

[3] Nye, J. S., Jr. (2004). Soft power: The means to success in world politics. *Public by Affairs Book.*

[4] Nye, J. S., Jr. (2017). Soft power: The origins and political progress of a concept. Palgrave Communications, 3, Article 17008, https://www.nature.com/articles/palcomms20178

[5] Moonsarn, K. (2025). The Thai government's national soft power strategy: Impact on cultural groups in Chiang Mai, *ISEAS – Yusof Ishak Institute* ((ISEAS Perspective), No. 2025/44.

[6] Prasirtsuk, K. (2024a, March 19). Thai public diplomacy in the 21st century: Approaches and purposes. USC Center on Public Diplomacy, https://uscpublicdiplomacy.org/blog/thai-public-diplomacy-21st-century-approaches-and-purposes, Accessed date: Mar 19, 2024.

[7] Time. (2024). How Thailand is redefining "soft power", https://time.com/7203306/thailand-government-soft-power-moo-deng-lisa-economy, Accessed date: Dec 30, 2024.

[8] Cogan, M. S. (2024). *Thailand's new soft power focus and the makings of a paradox* (Asian Affairs: An American Review), 51(2), 90–116. DOI: https://doi.org/10.1080/00927678.2024.2333684/

[9] Kuik, C.-C. (2024). Hedging as a policy without pronouncement: A tale of three defense white papers. *National Institute for Defense Studies.*

[10] Poonkham, J. (2023, March 20). Thailand's foreign policy: Hedging by default? RSIS Commentary No. 038/2023. *S. Rajaratnam School of International Studies.*

[11] Haacke, J. (2019). The concept of hedging and its application to Southeast Asia. *International Relations of the Asia-Pacific*, 19(3), 375–417.

[12] Busbarat, P. (2016). "Bamboo swirling in the wind": Thailand's foreign policy imbalance between China and the United States. *JSTOR* (Contemporary Southeast Asia), 38(2), 233–257.

[13] Đào Ngọc Báu và Bùi Việt Hương, chủ biên. *Ngoại giao đa phương của Việt Nam trong bối cảnh mới*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, 2024.

[14] Busbarat, P. (2018). *Thailand in 2017: Stability without certainties.* (Institute of Southeast Asian Studies), 58(1), 145–150. DOI: 10.1355/9789814786843-021

[15] U.S. Department of State (2014). Press statement on U.S. assistance to Thailand, https://2009-2017.state.gov/r/pa/prs/ps/2014/05/226620.htm, Accessed date: May 28, 2014.

[16] Government Public Relations Department (2024). Thailand to boost people's skills and its economy with THACCA and OFOS, https://thailand.prd.go.th/en/content/category/detail/id/2078/iid/294497, Accessed date: June 05, 2024.

[17] Government Public Relations Department (2024). Thailand striving to become one of global leaders of soft power, *https://thailand.prd.go.th/en/content/category/detail/id/48/iid/295089*, Accessed date: June 07, 2024.
[18] Creative Economy Agency (2024). Annual report 2024, *https://www.cea.or.th/storage/app/media/ITA2568/CEA-Annual-Report-2024-EN-Version.pdf*, Accessed date: July 08, 2025.
[19] Brand Finance (2026). Global Soft Power Index 2026, *https://brandfinance.com/insights/global-soft-power-index-2026-medal-table*, Accessed date: Jan 20, 2026.
[20] Creative Economy Agency. Soft Power: The Driving Force of Creative Economy, https://www.cea.or.th/en/single-statistic/cea-soft-power?gclsrc=ds&utm_source, Accessed date: July 08, 2025.

FROM BAMBOO DIPLOMACY TO MEASURES FOR ADVANCING STATE-LED SOFT POWER: CONTINUITY AND CHANGE IN THAILAND'S PROACTIVE FOREIGN POLICY, 2014 - 2026

Giang Thanh Sang, Truong Vy Khang

ABSTRACT — In the context of increasing strategic competition among major powers and the growing emphasis of states on nation-branding, Thailand's foreign policy emerges as a noteworthy case in the study of regional international relations. This paper analyzes the transformation from bamboo diplomacy to measures for advancing state-led soft power initiatives, thereby clarifying both continuity and change in Thailand's proactive foreign policy, 2014-2026. Drawing on an integrated theoretical framework encompassing bamboo diplomacy, hedging, soft power, and middle-power diplomacy, the study argues that the emergence of state-led soft power does not represent a break from Thailand's traditional flexible diplomacy but rather constitutes an expansion of the foreign policy toolkit aimed at maintaining strategic space, enhancing national standing, and supporting its aspirations as a middle power. The research employs document analysis, content analysis, historical review, and a case-study approach. Findings indicate that bamboo diplomacy continues to serve as a central pillar of Thailand's foreign policy, while the principal change lies in the increasing institutionalization of soft power as a national strategy, linked to the creative economy, public diplomacy, and national branding. Nonetheless, the effectiveness of this strategy remains constrained by issues of credibility, policy consistency, and domestic political-institutional conditions.

Keywords — Thailand, bamboo diplomacy, soft power, hedging, middle-power diplomacy.



Giảng Thanh Sang tốt nghiệp Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. HCM (HUFLIT) và tốt nghiệp Thạc sĩ ngành Quan hệ quốc tế tại Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. HCM (USSH-VNUHCM). Hiện anh đang công tác tại Phòng Chính trị - Công tác sinh viên HUFLIT. Lĩnh vực nghiên cứu, quan tâm bao gồm: Chính sách đối ngoại Thái Lan, An ninh khu vực, ASEAN, Sức mạnh mềm, GMS, ACMECS, …



Trương Vỹ Khang tốt nghiệp Cử nhân ngành Đông phương học (Chuyên ngành Thái Lan học) tại Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. HCM (USSH-VNUHCM) và tốt nghiệp Thạc sĩ ngành Thái Lan học tại Đại học Burapha, Thái Lan. Hiện anh là giảng viên Tổ chuyên ngành Thái Lan học, khoa Đông phương học, USSH-VNUHCM. Hướng nghiên cứu chính bao gồm: Ngôn ngữ Thái, giảng dạy tiếng Thái như một ngoại ngữ, Văn hoá đại chúng và Xã hội Thái Lan đương đại.